

Số: 6824/BCT-ĐB

V/v kiến nghị triển khai Hiệp định
CPTPP, EVFTA và UKVFTA

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Tại công văn số 7080/VPCP-QHQT ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc kết quả triển khai Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) của các Bộ, cơ quan và địa phương trong năm 2022, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đã có ý kiến chỉ đạo về việc thực thi FTA như sau: “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục bám sát và triển khai các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại các Quyết định số: 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019, 1201/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2020 và 721/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2021 và các văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, đề xuất giải pháp xử lý để bảo đảm việc thực hiện các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA đạt hiệu quả”.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, Bộ Công Thương xin báo cáo các khó khăn, vướng mắc và phát sinh trong quá trình thực thi các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA và kiến nghị các vấn đề như sau:

I. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC THI HIỆP ĐỊNH CPTPP, EVFTA VÀ UKVFTA

1. Về hiệu quả tận dụng các FTA

Thứ nhất, xuất khẩu sang các thị trường FTA lớn như EU, CPTPP (Ca-na-đa và Mê-hi-cô), Vương quốc Anh dù tăng trưởng tích cực trong thời gian qua nhưng tỷ trọng của các thị trường này còn tương đối khiêm tốn (nhiều tỉnh tỷ lệ này chưa đến 10%). Ngoài ra, tỷ lệ tận dụng ưu đãi chưa đạt được như kỳ vọng, ví dụ tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong CPTPP khoảng gần 5%, trong EVFTA khoảng gần 26% và trong UKVFTA khoảng gần 24%.

Thứ hai, các doanh nghiệp FDI vẫn chiếm tỷ trọng đa số trong kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn của Việt Nam như giày dép, da giày, điện thoại và linh kiện, máy móc thiết bị. Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu

vẫn thực hiện gia công hoặc xuất khẩu nguyên liệu, bán thành phẩm. Việc xây dựng và định vị thương hiệu cho các mặt hàng “Made in Viet Nam” tại thị trường khó tính như thị trường các nước FTA chưa được quan tâm đúng mức v.v..

Thứ ba, số lượng các doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường FTA còn khiêm tốn. Số lượng các doanh nghiệp nhập khẩu nhìn chung thấp hơn số lượng doanh nghiệp xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp mới chỉ tham gia được một số công đoạn của chuỗi cung ứng; khả năng đáp ứng, tuân thủ các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam vẫn còn hạn chế, nhất là trong bối cảnh nhiều thị trường nhập khẩu ngày càng nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, hàng rào phi thuế quan; doanh nghiệp thiếu chủ động trong đáp ứng đủ các tiêu chuẩn để hưởng ưu đãi.

Thứ tư, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu dưới dạng thô hoặc theo đơn đặt hàng gia công của các nhà nhập khẩu nước ngoài. Số lượng doanh nghiệp Việt Nam xây dựng được thương hiệu xuất khẩu sang các thị trường FTA còn hạn chế.

2. Về hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin

Số lượng các hội nghị, hội thảo được tổ chức rất nhiều nhưng nhiều khi bị chồng chéo, trùng lặp nội dung, dẫn đến lãng phí nguồn lực. Theo thống kê sơ bộ, riêng trong năm 2022, số lượng các hội nghị, hội thảo hoặc tập huấn về Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong năm 2022 là khoảng 347 sự kiện, tức là 1 ngày diễn ra 1 sự kiện. Có những trường hợp cùng 1 nơi diễn ra 2-3 hội nghị, hội thảo cùng 1 nội dung do các cơ quan khác nhau tổ chức.

Ngoài ra, một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp còn thờ ơ, chưa quan tâm đến việc tham gia các hội nghị, hội thảo về các FTA, đặc biệt còn tình trạng nhiều sự kiện tổ chức về FTA có số doanh nghiệp tham dự chỉ đạt 1/3-1/2 doanh nghiệp được mời.

Thêm vào đó, thông tin phổ biến, tuyên truyền tại các địa phương còn mang tính chất chung chung, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, một số doanh nghiệp xuất khẩu lớn, có bề dày hoạt động đã nắm được thông tin nên chưa thực sự quan tâm đến các hoạt động tuyên truyền.

3. Về công tác xây dựng pháp luật, thể chế

Việc ban hành các văn bản thực thi cam kết về cơ bản là đúng tiến độ và yêu cầu nhưng đôi khi vẫn có văn bản chưa kịp ban hành, ví dụ như văn bản liên quan đến việc dành ưu đãi thuế quan cho các nước mới phê chuẩn Hiệp định CPTPP như Ma-lai-xia, Chi-lê và Bru-nây. Ngoài ra, có một số văn bản chưa được ban hành như Nghị định về hàng tân trang, Nghị định hướng dẫn thực thi Bộ luật Lao động về tổ chức đại diện của người lao động và thương lượng tập thể.

4. Về nhân lực triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực thi

Thứ nhất, số lượng cán bộ trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ thực thi các FTA tại các địa phương còn rất hạn chế (chỉ 1-2 người) lại chủ yếu là kiêm nhiệm. Thêm vào đó, kinh nghiệm và chuyên môn chuyên về các FTA, nhất là việc thực thi các FTA chưa có điều kiện được đào tạo và trau dồi thường xuyên. Đây là vấn đề hầu hết các tỉnh, thành nêu ra trong báo cáo thực thi của mình.

Thứ hai, số lượng các cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn sâu về FTA, có khả năng thực hiện việc đào tạo và hỗ trợ cho các tỉnh, thành còn rất thiếu và cũng phải kiêm nhiệm các công việc khác. Điều này ảnh hưởng đến việc tạo ra nguồn nhân lực hỗ trợ cho các địa phương thực thi các FTA.

Thứ ba, nhân lực trong các doanh nghiệp nắm rõ các quy định về FTA có liên quan đến trực tiếp hoạt động của họ, ví dụ như quy tắc xuất xứ, hải quan, tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu... hầu như chưa có, khiến cho các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu và nắm bắt cơ hội từ các FTA.

5. Về các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

Thứ nhất, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực vẫn được triển khai tại các địa phương nhưng phần lớn các hoạt động này chủ yếu được thực hiện trong khuôn khổ chính sách phát triển chung của tỉnh, không phải dành riêng cho việc thực thi FTA nào đó. Điều này dẫn đến hoạt động hỗ trợ mang tính dàn trải, chưa có điều kiện tập trung vào các lĩnh vực hoặc ngành hàng có thế mạnh của tỉnh và có cơ hội tiếp cận thị trường từ các FTA.

Thứ hai, nhiều doanh nghiệp Việt Nam có chuyên môn, kinh nghiệm và khả năng tạo ra các sản phẩm tốt, chất lượng, có mong muốn xây dựng thương hiệu Việt nhưng thiếu nguồn vốn thực hiện. Các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tận dụng cơ hội xuất khẩu từ các FTA chưa phát huy được hiệu quả tối đa để đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành có liên quan với các ngân hàng thương mại cần hiệu quả hơn nữa nhằm tạo nguồn tài chính phù hợp cho các doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA trong khi vẫn đảm bảo các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Thứ ba, hoạt động xúc tiến thương mại, cập nhật thông tin cũng như kết nối thương mại tại các thị trường CPTPP, EVFTA và UKVFTA dù được đẩy mạnh hơn sau khi có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng đủ yêu cầu của doanh nghiệp. Do nguồn kinh phí và nhân lực còn hạn chế nên các cơ quan quản lý và doanh nghiệp chưa đủ điều kiện thúc đẩy hơn nữa hoạt động này.

6. Về công tác thống kê số liệu xuất nhập khẩu và đầu tư

Việc thống kê số liệu xuất nhập khẩu và đầu tư theo Hiệp định, ngành hàng và tỉnh, thành một cách đồng bộ, chính xác còn gặp nhiều thách thức. Trong báo cáo thực thi gửi Bộ Công Thương, nhiều tỉnh thành không thể cung cấp đầy đủ số liệu về xuất nhập khẩu hoặc đầu tư của mình hoặc nếu có cung cấp thì số liệu tương đối hạn chế. Ngoài ra, các địa phương cho biết gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn số liệu thống kê chính thức. Về khó khăn đối với số liệu thống kê, Bộ Công Thương đã báo cáo và Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo các đơn vị trực thuộc giải quyết nhưng trong công văn gửi cho Bộ Công Thương, 2 Bộ cho biết các vấn đề này gặp nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật. Những hạn chế về mặt thống kê số liệu xuất nhập khẩu và đầu tư cũng ảnh hưởng không nhỏ tới công tác dự báo, đánh giá và thực thi hiệu quả các FTA.

7. Về an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Mặc dù hầu hết các tỉnh, thành đều triển khai các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững nhưng kết quả thực thi còn dư địa để tốt hơn. Đối với vấn đề lao động, nhiều tỉnh, thành chưa báo cáo việc phổ biến và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nắm rõ các cam kết về lao động trong các FTA thế hệ mới cũng như thách thức khi thực hiện các cam kết này. Đối với vấn đề môi trường, nhiều cơ quan, tổ chức còn lúng túng và chưa nắm rõ các quy định liên quan trong các FTA.

Trong thời gian gần đây, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được quan tâm trên thế giới, đặc biệt tại các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như EU, Hoa Kỳ.... Hiện nay, không chỉ các cơ quan quản lý tại các nước này đặt ra các quy định và tiêu chuẩn về lao động và môi trường đối với hàng nhập khẩu mà ngay cả người tiêu dùng cũng nghiêng sự lựa chọn dành cho các sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển bền vững. Dù vậy, rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa biết, chưa hiểu và chưa nắm rõ các vấn đề này và vì vậy chưa chuẩn bị sẵn sàng hoặc chưa có đủ nguồn lực triển khai. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam sang các thị trường lớn như EU và Hoa Kỳ.

II. NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP

1. Nguyên nhân

Thứ nhất, tình hình kinh tế trên thế giới biến động và gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga và Ukraine, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, tổng cầu suy giảm và điều này ảnh hưởng trực tiếp tới đơn hàng cũng như khả năng tiếp cận các thị trường FTA của doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai, công tác tuyên truyền dù được đẩy rất mạnh nhưng phần lớn còn chung chung, chưa tập trung vào các nội dung cụ thể được doanh nghiệp quan tâm, nội dung và hình thức tuyên truyền chưa đổi mới nhiều, các hội nghị, hội thảo chủ yếu tập trung vào trình bày của chuyên gia, ít thời gian cho hỏi đáp chuyên sâu và

rất ít chú trọng tới việc chia sẻ các điển hình tốt của doanh nghiệp trong việc khai thác cơ hội từ các FTA. Thêm vào đó, sự chồng chéo và trùng lặp trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo của các cơ quan, tổ chức ở cả trung ương và địa phương còn phổ biến. Việc này Bộ Công Thương đã báo cáo và Thủ tướng Chính phủ đã giao các Bộ, ngành và địa phương tăng cường phối hợp với Bộ Công Thương trong công tác tuyên truyền để tránh trùng lặp, lãng phí nhưng chưa đạt kết quả. Ngoài ra, một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp Việt Nam còn thờ ơ, thiếu quan tâm đến việc tham gia các hoạt động tuyên truyền cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này.

Thứ ba, sự quan tâm và chủ động vào cuộc của nhiều địa phương trong việc thực thi các FTA chưa được như mong đợi. Điều này cũng một phần là do đội ngũ cán bộ ở các cơ quan, địa phương tham mưu về công tác hội nhập kinh tế quốc tế còn mỏng, chưa được đào tạo bài bản và cập nhật thường xuyên về các thông tin hay kiến thức cần thiết phục vụ cho công việc của mình.

Thứ tư, về phía các doanh nghiệp, hiện tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ năng lực cạnh tranh còn yếu, giá thành còn cao, chất lượng còn thấp so với tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời chưa thực sự chú trọng nâng cao trình độ quản trị, chất lượng nguồn nhân lực; chưa chú trọng xây dựng, phát triển thương hiệu và xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn; chưa thực sự quan tâm đến các vấn đề như bảo hộ thương hiệu, các chứng nhận được công nhận tại các quốc gia nhập khẩu..., đặc biệt là vấn đề phát triển bền vững, công tác tiếp cận thị trường còn hạn chế; hạ tầng, dịch vụ phục vụ cho công tác tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ xuất khẩu, xúc tiến thương mại còn yếu và thiếu. Ngoài ra, nhiều rất nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ mục tiêu tận dụng các FTA của Việt Nam.

Thứ năm, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu thực hiện gia công theo đơn hàng của nhà nhập khẩu, nhập nguyên liệu sản xuất từ các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ không đạt tiêu chí về quy tắc xuất xứ theo các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

Thứ sáu, các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh như phá giá sản phẩm... còn xảy ra khá phổ biến, các sản phẩm nông sản hoặc sản phẩm chủ lực tại hầu hết các tỉnh thành có sự phân bố rộng khắp, dàn trải, không tập trung, sản lượng nhỏ lẻ, gây khó khăn cho hoạt động nâng cao năng lực theo ngành, nghề.

Thứ bảy, việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp tại các địa phương còn dàn trải, không tập trung vào các ngành và lĩnh vực thế mạnh của địa phương. Thêm vào đó, các hoạt động triển khai chưa có tính liên tục, kết nối và lâu dài để tạo hiệu ứng và hiệu quả bền vững. Đơn cử như hiện nay phần lớn các tỉnh, thành dù có tổ chức các Hội nghị, hội thảo giới thiệu cơ hội về các FTA nhưng không có các hoạt động tiếp theo để triển khai kết quả của các Hội nghị và hội thảo này. Ngoài ra, việc kết nối giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn lỏng lẻo, chưa chặt

chê để tạo ra sức mạnh tập thể trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài. Các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh như phá giá sản phẩm... còn xảy ra khá phổ biến.

2. Các giải pháp đề xuất

Để giải quyết các nguyên nhân nêu trên, tăng cường hiệu quả tận dụng các FTA thế hệ mới, Bộ Công Thương xin kiến nghị một số giải pháp như sau:

2.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến

1. Hạn chế các Hội nghị, hội thảo mang tính chung chung, khái quát về các FTA, tập trung xây dựng các nội dung mang tính chuyên đề, hướng vào các vấn đề mà doanh nghiệp quan tâm, phải cụ thể, sát với thực tế, đặc biệt cần chú trọng tuyên truyền các nội dung về phát triển bền vững (lao động, môi trường...), cách thức tận dụng ưu đãi và tổ chức đối thoại tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục của các doanh nghiệp khi tham gia các FTA mà Việt Nam đã ký kết. Ngoài ra, cần chú ý đẩy mạnh hình thức đối thoại với doanh nghiệp, tăng cường chia sẻ các điển hình tốt của doanh nghiệp trong tận dụng cơ hội từ các FTA.

2. Đa dạng hoạt động tuyên truyền, mở rộng hình thức tuyên truyền, không chỉ dừng lại ở các hội nghị, hội thảo, xuất bản sách, ấn phẩm mà cần xây dựng các hình thức tuyên truyền trực tuyến đa dạng, sinh động, rõ ràng, dễ hiểu và có giá trị chuyên môn cao.

3. Tăng cường phối hợp giữa Bộ Công Thương là đơn vị chủ trì với các Bộ, ngành và địa phương cũng như các Hiệp hội trong hoạt động tuyên truyền. Các Bộ, ngành, địa phương và Hiệp hội cần gửi thông báo cho Bộ Công Thương về các hoạt động tuyên truyền về các FTA của mình để Bộ Công Thương tổng hợp, chia sẻ công khai trên Cổng thông tin của Chính phủ về FTA (FTA Portal) để các cơ quan tổ chức nắm được, tránh tổ chức chồng chéo và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận và tìm hiểu.

4. Tăng cường hơn nữa phối hợp giữa các Bộ, ngành với các kênh thông tin đại chúng, đặc biệt là các kênh thông tin điện tử trong việc cung cấp thông tin phù hợp cho từng nhóm đối tượng, chất lượng và kịp thời để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Đẩy nhanh việc kiện toàn và nâng cấp Cổng thông tin của Chính phủ về FTA (FTA Portal), giao các Bộ, ngành và địa phương phối hợp tích cực hơn nữa với Bộ Công Thương trong việc cung cấp và cập nhật nội dung, số liệu để FTA Portal thực sự là cổng thông tin hữu ích cho doanh nghiệp, giúp kết nối doanh nghiệp với các cơ quan quản lý trung ương và địa phương trong quá trình tận dụng FTA.

2.2. Nhóm giải pháp về thể chế

1. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và ban hành các văn bản thực thi các cam kết trong FTA, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như thuế, quy tắc xuất xứ... Ngoài ra, định kỳ rà soát việc thực thi, nhanh chóng xử lý vướng mắc, bất cập trong việc thực thi các văn bản này.

2. Tiếp tục triển khai rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm phù hợp với các cam kết trong các FTA đã có hiệu lực.

3. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phê chuẩn các Công ước quốc tế và thực thi các tiêu chuẩn lao động quốc tế có liên quan đảm bảo thực thi cam kết trong các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

2.3. Nhóm giải pháp về các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp

1. Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng hệ sinh thái tận dụng cơ hội từ các FTA. Do nguồn lực có hạn nên trước mắt mỗi tỉnh, thành tập trung xác định 1-2 lĩnh vực hoặc ngành hàng chủ lực để xây dựng hệ sinh thái, nếu thành công sẽ lan tỏa sang các lĩnh vực khác. Để hỗ trợ cho hệ sinh thái này, các cơ quan quản lý trung ương và địa phương cần kết nối chặt chẽ với nhau để xây dựng chính sách, các biện pháp hỗ trợ cụ thể, phù hợp cho lĩnh vực hoặc ngành hàng chủ lực được lựa chọn.

2. Xem xét dành nguồn vốn riêng để hỗ trợ các doanh nghiệp tận dụng các FTA, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đặc biệt là các DNNVV trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV thực hành tiêu chuẩn ESG, DNNVV kinh doanh bền vững, kinh doanh xanh. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan làm việc cụ thể hơn với các ngân hàng thương mại để xây dựng nguồn tín dụng phù hợp hỗ trợ cho các doanh nghiệp muốn nâng cao năng lực sản xuất để tận dụng cơ hội từ các FTA (có thể là các lãi suất ưu đãi phù hợp với cam kết quốc tế, điều kiện tiếp cận tín dụng thuận lợi hơn...). Ngoài ra, cần chủ động tìm kiếm, kết nối và hợp tác với các Tổ chức tín dụng quốc tế như IFC, WB, ADB hay các nguồn tài chính hợp pháp khác để tạo nguồn vốn giúp các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm kịp thời đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao từ các thị trường xuất khẩu cũng như thị hiếu của người tiêu dùng trên thế giới.

3. Có chính sách tổng thể hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng nguồn nguyên liệu “nội khối” nhằm đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo quy định của từng FTA.

4. Nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam hướng tới xuất, nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đa dạng hóa

thị trường xuất khẩu, hướng tới ổn định, lâu dài, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

2.4. Nhóm giải pháp về nhân lực

1. Bổ sung nhân lực chuyên trách về thực thi các FTA tại các địa phương. Vấn đề này đã được Bộ Công Thương báo cáo và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo. Điều này là hết sức cần thiết để nâng cao hiệu quả thực thi các FTA tại các tỉnh, thành.

2. Triển khai các khóa đào tạo nhân lực chuyên về FTA cho các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp cũng như tăng cường bổ sung và đào tạo nguồn cán bộ chuyên gia hiểu biết về FTA, giúp mở rộng số lượng người có thể đào tạo về nội dung này.

3. Tạo nguồn nhân lực lâu dài hiểu biết và nắm rõ về các FTA thông qua triển khai đào tạo từ cấp Đại học, cao đẳng bằng cách đưa các nội dung FTA vào giáo trình đào tạo. Tuy nhiên, cần chú ý xây dựng nội dung đào tạo cụ thể, có tính thực tiễn cao.

2.5. Nhóm giải pháp về số liệu thống kê

Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các địa phương trao đổi, tìm kiếm hướng giải pháp về tổng hợp, thống kê số liệu xuất nhập khẩu, đầu tư, bảo đảm việc tiếp cận thuận lợi và nhanh chóng cho các cơ quan quản lý trung ương và địa phương.

2.6. Nhóm giải pháp khác

1. Khẩn trương xây dựng Bộ chỉ số đánh giá thực thi FTA tại các địa phương (FTA Index) để có thể công bố vào cuối năm 2023.

2. Cần cấp đủ kinh phí thực thi FTA cho các Bộ, ngành và địa phương, đồng thời cần có hướng dẫn cụ thể cho việc tiếp cận và sử dụng nguồn kinh phí này. Đây là việc Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo.

3. Tranh thủ và phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng mới, nhất là kinh tế số, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, ứng phó với biến đổi khí hậu, thu hút nguồn tài chính xanh...

III. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở các khó khăn, vướng mắc và các nguyên nhân và giải pháp nêu ở trên, Bộ Công Thương đã xây dựng một số kiến nghị để triển khai hiệu quả hơn nữa các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong thời gian tới. Các kiến nghị

này không nằm trong các Kế hoạch thực thi đã được ban hành hoặc trong các văn bản chỉ đạo của Chính phủ về vấn đề thực thi các FTA. Đồng thời, Bộ Công Thương đã xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan về các kiến nghị này và không có Bộ, ngành nào phản đối (*bảng tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành liên quan đến các kiến nghị xin trình kèm theo*).

Vì vậy, Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

1. Giao Bộ Công Thương hàng năm xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về các FTA để các Bộ, ngành và các tỉnh, thành cùng triển khai. Trong thời gian chưa có Kế hoạch tuyên truyền thống nhất, đề nghị các Bộ, ngành và địa phương thông báo cho Bộ Công Thương kế hoạch triển khai các hoạt động tuyên truyền về các FTA để tăng cường công tác phối hợp, tránh trùng lặp và lãng phí.

2. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và hiệp hội ngành nghề liên quan chủ động xây dựng các hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA, trước mắt tập trung vào một số mặt hàng chủ lực tại từng địa phương.

3. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thống nhất phương pháp thống kê số liệu về đầu tư, xuất nhập khẩu liên quan đến thực thi các FTA cũng như cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin về các số liệu này cho các địa phương.

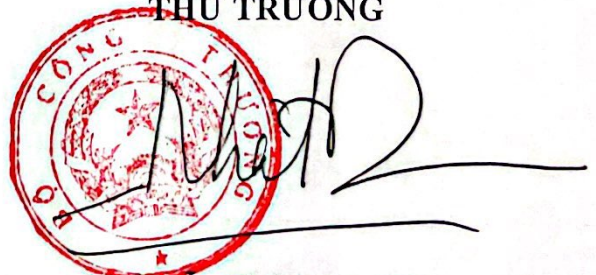
4. Giao Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan triển khai các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn tín dụng phù hợp để tận dụng các FTA của Việt Nam, đặc biệt các doanh nghiệp muốn nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển bền vững.

Trên đây là một số kiến nghị của Bộ Công Thương để tăng cường hiệu quả thực thi các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA. Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ban KTTW, UBĐNQH;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Vụ/Cục: KH, TCĐMDN, PC, AM, AP, KHCN, XNK, PVTM, CT, XTTM, VPB, VPBCĐLNKT;
- Lưu: VT, ĐB (ngocld).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân